

Số: 70 /2016/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe**  
**trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*  
*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*  
*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*  
*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

- Quyết định này quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
- Quyết định này áp dụng đối với người sử dụng phương tiện giao thông có nhu cầu trông giữ phương tiện tại các điểm đỗ, bãi trông giữ công cộng phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị của địa phương.
- Các điểm đỗ, bãi trông giữ xe do Ban Quản lý bến tàu xe, Hợp tác xã vận tải được cấp có thẩm quyền giao trực tiếp quản lý và kinh doanh không thuộc đối tượng áp dụng Quyết định này.

**Điều 2. Quy định về thời gian và lượt xe**

- Một (01) lượt xe: là 01 lần xe vào và ra ở điểm trông giữ xe.
- Thời gian trông giữ xe ban ngày được xác định từ 05 giờ đến 22 giờ; thời gian giữ ban đêm được xác định từ sau 22 giờ ngày hôm trước đến trước 05 giờ ngày hôm sau.
- Đối với khu vực vui chơi, lễ hội, giải trí, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá, biểu diễn văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao: thời gian trông giữ xe ban ngày được xác định từ 06 giờ đến 18 giờ; thời gian trông giữ ban đêm được xác định từ sau 18 giờ hôm trước đến trước 06 giờ ngày hôm sau.

4. Trường hợp tổng thời gian trông giữ xe ban ngày và ban đêm từ 10 giờ trở lên thì giá thu theo giá cả ngày và đêm.

**Điều 3. Giá dịch vụ trông giữ xe**

1. Giá dịch vụ trông giữ xe (kể cả trông giữ mũ bảo hiểm).

a) Khu vực chợ, siêu thị, trung tâm thương mại:

Số TT	Loại phương tiện	Giá bao gồm thuế VAT		
		Ban ngày	Ban đêm	Cả ngày và đêm
<b>I</b>	<b>Gửi theo lượt (đồng/xe/lượt)</b>			
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000	3.000
2	Xe gắn máy, xe mô tô, xe điện 02 bánh	2.000	4.000	6.000
3	Xe ô tô 05 chỗ ngồi	5.000	10.000	15.000
4	Xe ô tô trên 05 chỗ đến 12 chỗ, xe có trọng tải dưới 3,5 tấn	7.000	14.000	20.000
5	Xe ô tô trên 12 chỗ, xe có tải trọng từ 3,5 tấn trở lên	10.000	20.000	30.000
<b>II</b>	<b>Gửi theo tháng (đồng/xe/tháng)</b>	Bằng 50 lần giá dịch vụ trông giữ xe ban ngày đối với từng loại xe tương ứng		

b) Khu vực thuộc các tụ điểm vui chơi, lễ hội, giải trí, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa, biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao:

Số TT	Loại phương tiện	Giá bao gồm thuế VAT		
		Ban ngày	Ban đêm	Cả ngày và đêm
	<b>Gửi theo lượt (đồng/xe/lượt)</b>			
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000	3.000
2	Xe gắn máy, xe mô tô, xe điện 02 bánh	3.000	5.000	8.000
3	Xe ô tô 05 chỗ ngồi	15.000	30.000	45.000
4	Xe ô tô trên 05 chỗ đến 12 chỗ, xe có trọng tải dưới 3,5 tấn	20.000	40.000	60.000
5	Xe ô tô trên 12 chỗ, xe có tải trọng từ 3,5 tấn trở lên	30.000	60.000	90.000

c) Phạm vi bệnh viện, trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

STT	Loại phương tiện	Giá bao gồm thuế VAT		
		Ban ngày	Ban đêm	Cả ngày và đêm
<b>I</b>	<b>Gửi theo lượt (đồng/xe/lượt)</b>			

1	Xe đạp, xe đạp điện	500	1.000	1.500
2	Xe gắn máy, xe mô tô, xe điện 02 bánh	1.000	2.000	3.000
3	Xe ô tô 05 chỗ ngồi	4.000	6.000	10.000
4	Xe ô tô trên 05 chỗ đến 12 chỗ, xe có trọng tải dưới 3,5 tấn	6.000	9.000	15.000
5	Xe ô tô trên 12 chỗ, xe có tải trọng từ 3,5 tấn trở lên	8.000	10.000	18.000
<b>II</b>	<b>Gửi theo tháng (đồng/xe/tháng)</b>	Bằng 50 lần giá giá dịch vụ trông giữ xe ban ngày đối với từng loại xe tương ứng		

2. Tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện không do Nhà nước đầu tư: giá dịch vụ trông giữ xe tối đa không quá 02 lần giá dịch vụ trông giữ xe quy định trên.

#### **Điều 4. Quy định về đấu giá quyền khai thác dịch vụ trông giữ xe thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước**

1. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trong việc tổ chức đấu giá hoặc xét giao khoán cho tổ chức, cá nhân quyền khai thác dịch vụ trông giữ xe, ký kết hợp đồng giao nhận quyền khai thác dịch vụ trông giữ xe với người trúng đấu giá hoặc nhận khoán đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ xe như sau:

a) Các điểm đỗ, bãi trông giữ xe trong phạm vi khuôn viên bệnh viện, trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

b) Các điểm đỗ, bãi trông giữ xe trong phạm vi quản lý của các cơ quan quản lý tụ điểm vui chơi, giải trí, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá, biểu diễn văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao.

c) Các điểm đỗ, bãi giữ xe trong phạm vi khu vực chợ được Nhà nước giao cho Ban Quản lý chợ trực tiếp kinh doanh, khai thác và quản lý.

2. Các điểm đỗ, bãi giữ xe ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này phải tổ chức đấu giá quyền khai thác dịch vụ trông giữ xe.

3. Việc đấu giá quyền khai thác dịch vụ trông giữ xe được thực hiện theo quy định pháp luật về bán đấu giá tài sản.

#### **Điều 5. Quản lý và sử dụng nguồn thu**

1. Việc thu tiền dịch vụ trông giữ xe phải có biên lai, hoá đơn thu theo quy định; đơn vị thu phải thực hiện niêm yết công khai giá dịch vụ trông giữ xe tại nơi thu tiền.

2. Tổ chức, đơn vị thu tiền dịch vụ trông giữ xe phải mở sổ sách, kế toán theo dõi, phản ánh việc thu, nộp và quản lý nguồn thu, thực hiện nộp thuế theo quy định.

3. Đối với điểm đỗ, bãi trông giữ xe thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, việc quản lý, sử dụng áp dụng theo quy định hiện hành.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định về thu phí trông giữ xe đạp, xe

máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 7.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 7;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH đơn vị Tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử Tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, KTTH.HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Châu Hồng Phúc**